

Phụ lục

Phân bổ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc được phân bổ			Ghi chú
		Tổng	Chỉ tiêu chính thức	Chỉ tiêu chờ tuyển dụng	
	Tổng cộng (I+II):	6.913	6.913	0	
I	Các trường	6.348	6.348	0	
1	Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú thành phố Cần Thơ	55	55	0	
2	Trường Giáo dục chuyên biệt thành phố Cần Thơ	56	56	0	
3	Trường Trung học phổ thông Thạnh An	75	75	0	
4	Trường Trung học phổ thông Bùi Hữu Nghĩa	93	93	0	
5	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Việt Hồng	76	76	0	
6	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tân Lộc	104	104	0	
7	Trường Trung học phổ thông Trung An	80	80	0	
8	Trường Trung học phổ thông Thốt Nốt	94	94	0	
9	Trường Trung học phổ thông Thuận Hưng	68	68	0	
10	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Trần Ngọc Hoàng	75	75	0	
11	Trường Trung học phổ thông Thới Long	76	76	0	
12	Trường Trung học phổ thông Lương Định Của	70	70	0	Cần Thơ cũ
13	Trường Trung học phổ thông Thới Lai	90	90	0	
14	Trường Trung học phổ thông Hà Huy Giáp	77	77	0	
15	Trường Trung học phổ thông Bình Thủy	107	107	0	
16	Trường Trung học phổ thông chuyên Lý Tự Trọng	109	109	0	
17	Trường Trung học phổ thông Phan Ngọc Hiển	89	89	0	
18	Trường Trung học phổ thông Châu Văn Liêm	93	93	0	
19	Trường Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa	80	80	0	
20	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Việt Dũng	73	73	0	
21	Trường Trung học phổ thông Phan Văn Trị	94	94	0	
22	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Thạnh	74	74	0	
23	Trường Trung học phổ thông Giai Xuân	67	67	0	
24	Trường Trung học phổ thông An Khánh	84	84	0	
25	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Trường Xuân	72	72	0	
26	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thạnh Thắng	61	61	0	
27	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thới Thuận	93	93	0	
28	Trường Trung học phổ thông Lưu Hữu Phước	73	73	0	
29	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thới Thạnh	76	76	0	
30	Trường Trung học phổ thông Hòa An	63	63	0	
31	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Him Lam	100	100	0	
32	Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hậu Giang	34	34	0	
33	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Tường	63	63	0	
34	Trường Trung học phổ thông chuyên Vị Thanh	76	76	0	
35	Trường Trung học phổ thông Vị Thanh	74	74	0	
36	Trường Trung học phổ thông Chiêm Thành Tấn	48	48	0	
37	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Minh Quang	62	62	0	
38	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn	54	54	0	

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc được phân bổ			Ghi chú
		Tổng	Chỉ tiêu chính thức	Chỉ tiêu chờ tuyển dụng	
39	Trường Trung học phổ thông Ngã Sáu	52	52	0	
40	Trường Trung học phổ thông Phú Hữu	41	41	0	
41	Trường Trung học phổ thông Tầm Vu	65	65	0	
42	Trường Trung học phổ thông Cái Tắc	68	68	0	
43	Trường Trung học phổ thông Châu Thành A	61	61	0	
44	Trường Trung học phổ thông Trường Long Tây	32	32	0	
45	Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	50	50	0	
46	Trường Trung học phổ thông Cây Dương	111	111	0	
47	Trường Trung học phổ thông Tân Long	45	45	0	
48	Trường Trung học phổ thông Long Mỹ	103	103	0	
49	Trường Trung học phổ thông Tây Đô	46	46	0	
50	Trường Trung học phổ thông Tân Phú	43	43	0	
51	Trường Trung học phổ thông Lương Tâm	41	41	0	
52	Trường Trung học phổ thông Vị Thủy	70	70	0	
53	Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong	45	45	0	
54	Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Sóc Trăng	29	29	0	
55	Trường Trung học phổ thông Kế Sách	89	89	0	
56	Trường Trung học phổ thông Thiệu Văn Chỏi	67	67	0	
57	Trường Trung học phổ thông Hoà Tú	46	46	0	
58	Trường Trung học phổ thông Ngọc Tổ	33	33	0	
59	Trường Trung học phổ thông Lương Định Của	52	52	0	Sóc Trăng cũ
60	Trường Trung học phổ thông Đoàn Văn Tố	58	58	0	
61	Trường Trung học phổ thông Mai Thanh Thế	76	76	0	
62	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Hải	39	39	0	
63	Trường Trung học phổ thông Văn Ngọc Chính	53	53	0	
64	Trường Trung học phổ thông Thanh Tân	39	39	0	
65	Trường Trung học phổ thông Phú Tâm	46	46	0	
66	Trường Trung học phổ thông Lịch Hội Thượng	52	52	0	
67	Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	96	96	0	
68	Trường Trung học phổ thông Hoàng Diệu	110	110	0	
69	Trường Trung học phổ thông Thành phố Sóc Trăng	102	102	0	
70	Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú Huỳnh Cương	52	52	0	
71	Trường Trung học phổ thông Huỳnh Hữu Nghĩa	53	53	0	
72	Trường Trung học phổ thông An Ninh	40	40	0	
73	Trường Trung học phổ thông Mỹ Xuyên	85	85	0	
74	Trường Trung học phổ thông Đại Ngải	54	54	0	
75	Trường Trung học phổ thông Trần Văn Bảy	96	96	0	
76	Trường Trung học phổ thông Ngã Năm	34	34	0	
77	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	72	72	0	
78	Trường Trung học phổ thông Thuận Hoà	69	69	0	
79	Trường Trung học phổ thông An Lạc Thôn	109	109	0	
80	Trường Trung học phổ thông Phan Văn Hùng	100	100	0	
81	Trường Trung học phổ thông Lê Văn Tám	75	75	0	
82	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Long Hưng	52	52	0	
83	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hưng Lợi	60	60	0	

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc được phân bổ			Ghi chú
		Tổng	Chỉ tiêu chính thức	Chỉ tiêu chờ tuyển dụng	
84	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Khánh Hoà	67	67	0	
85	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Châu	42	42	0	
86	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Mỹ Thuận	65	65	0	
87	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dương Kỳ Hiệp	66	66	0	
88	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Lai Hoà	75	75	0	
89	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thạnh Phú	42	42	0	
90	Trường Trung học phổ thông An Thạnh 3	68	68	0	
91	Trường Trung học phổ thông Mỹ Hương	64	64	0	
92	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tân Thạnh	66	66	0	
93	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Trần Đề	74	74	0	
II	Các trung tâm	565	565	0	
1	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Hậu Giang	18	18	0	
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Cần Thơ	62	62	0	
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Ô Môn	60	60	0	
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Cờ Đỏ	32	32	0	
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Bình Thủy	51	51	0	
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hậu Giang	55	55	0	
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Châu Thành	41	41	0	
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phụng Hiệp	38	38	0	
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Long Mỹ	27	27	0	
10	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Sóc Trăng	50	50	0	
11	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vĩnh Châu	35	35	0	
12	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Mỹ Xuyên	25	25	0	
13	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Long Phú	30	30	0	
14	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Ngã Năm	19	19	0	
15	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kế Sách	22	22	0	